

Số: 15.85/QĐ-ĐHKQTĐ

Hà Nội, ngày 22 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình đào tạo Kinh tế phát triển Chất lượng cao,
ngành Kinh tế phát triển, trình độ đại học hệ chính quy,
đào tạo theo hệ thống tín chỉ

HIỆU TRƯỞNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quy chế tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Kinh tế quốc dân ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/NQ-HĐT ngày 9 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng Trường;

Căn cứ Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 17/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Kinh tế quốc dân giai đoạn 2015-2017 và Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 09/11/2017 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 10/2017);

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ GD&ĐT quy định chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

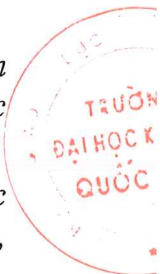
Căn cứ Quyết định số 62/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 20/01/2021 của Hiệu trưởng về việc thành lập Ban chỉ đạo và các tiểu ban rà soát, đánh giá và cập nhật chương trình Tiên tiến, Chất lượng cao và POHE;

Căn cứ Kết luận của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường tại cuộc họp ngày 17/9/2021 về việc đánh giá 10 chương trình đào tạo Chất lượng cao áp dụng từ khóa 63 (tuyển sinh năm 2021);

Xét đề nghị của Viện trưởng Viện Đào tạo Tiên tiến, Chất lượng cao & POHE,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo Kinh tế phát triển Chất lượng cao, ngành Kinh tế phát triển, trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

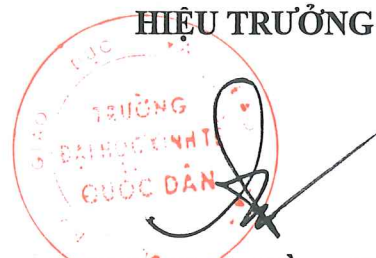


Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký và áp dụng cho khóa 63 (tuyển sinh năm 2021)

Điều 3. Trưởng các Khoa/Viện có chuyên ngành đào tạo theo Chương trình Chất lượng cao, Viện trưởng Viện ĐTTT, CLC & POHE và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận: 

- Đảng ủy, HĐT (để báo cáo)
- BGH (để chỉ đạo);
- Như Điều 3;
- Công TTĐT (để thông báo)
- K. Khoa KH & PT
- Lưu TH, V.ĐTTT, CLC & POHE



PGS.TS Phạm Hồng Chương





**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
(Chương trình Chất lượng cao)**

*(Ban hành theo Quyết định số 1585 ngày 22 tháng 9 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường ĐH KTQD)*

Ngành: KINH TẾ PHÁT TRIỂN

Major: Development Economics

CHƯƠNG TRÌNH KINH TẾ PHÁT TRIỂN CHẤT LƯỢNG CAO

Program: Development Economics

Mã ngành (Code of Major): 7310105

Hệ: CHÍNH QUY

Type of Education: Full-time

Xây dựng từ chương trình đào tạo của Đại học Kinh tế Quốc dân;

Đại học Richmond, Hoa Kỳ; Đại học Soas, Anh

(Based on the curriculum of the NEU; Richmond University, USA;

Soas University, United Kingdom)

HÀ NỘI – 9/2021

MỤC LỤC

1. MỤC TIÊU / OBJECTIVE	1
2. CHUẨN ĐẦU RA/NĂNG LỰC NGƯỜI HỌC/ LEARNER CAPABILITIES	2
3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA	2
4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH/ APPLICANTS FOR ENROLLMENT	3
5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP/ (STUDY PROCESS AND GRADUATION REQUIREMENTS).....	3
6. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ:.....	4
7. CẤU TRÚC, NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY/STRUCTURE, CONTENT, AND TEACHING PLAN	4
7.1. Cấu trúc kiến thức/ Knowledge Structure	4
7.2. Nội dung chi tiết (detail content of the program).....	5
8. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN/INSTRUCTION.....	9

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-ĐHKQTĐ ngày tháng năm 2021 của Hiệu trưởng)

TÊN CHƯƠNG TRÌNH (PROGRAM):	KINH TẾ PHÁT TRIỂN CHẤT LƯỢNG CAO ADVANCED BACHELOR OF DEVELOPMENT ECONOMICS
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO (LEVEL OF EDUCATION):	ĐẠI HỌC (UNDERGRADUATE)
NGÀNH ĐÀO TẠO (MAJOR)	KINH TẾ PHÁT TRIỂN DEVELOPMENT ECONOMICS
MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO (CODE):	7310105
LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO (TYPE OF EDUCATION):	CHÍNH QUY (FULL - TIME)

1. MỤC TIÊU / OBJECTIVE

Đào tạo cử nhân Kinh tế phát triển Chất lượng cao có kiến thức rộng, đồng bộ về lĩnh vực kinh tế; đặc biệt, nắm chắc các nguyên lý phát triển kinh tế, bao gồm: nội hàm của phát triển và phát triển bền vững kinh tế, xu hướng phát triển nền kinh tế, các yếu tố chi phối, vận động chủ yếu trong các nền kinh tế đang phát triển và giải pháp chính sách thực hiện quá trình phát triển kinh tế ở các cấp: quốc gia, ngành, lĩnh vực, các vùng, các địa phương (tỉnh, huyện, xã), các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ, các đơn vị kinh tế thuộc mọi thành phần kinh tế.

Vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp/ Job opportunity after graduate

Cử nhân ngành Kinh tế Phát triển có thể làm việc tại:

- Các tổ chức và đối tác phát triển (như WB, ADB, UN, FAO...);
- Các tổ chức phi chính phủ về phát triển (DIFID, SIDA, CIDA, OXFAM...);
- Các cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương trong lĩnh vực quản lý

kinh tế đặc biệt là các cơ quan làm việc trong môi trường quốc tế;

- Các loại hình doanh nghiệp;

- Nghiên cứu viên trong các viện nghiên cứu kinh tế, giảng viên trong các trường đại học, nghiên cứu viên hoặc nhân viên tư vấn trong các tổ chức tư vấn trong nước và quốc tế;

Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường: Cử nhân ngành kinh tế phát triển có khả năng học tập liên thông, chuyển đổi và phát triển ngành nghề rộng; có khả năng học tập nâng cao trình độ ở bậc sau đại học trong nước và quốc tế.

2. CHUẨN ĐẦU RA/NĂNG LỰC NGƯỜI HỌC/ LEARNER CAPABILITIES

Sau khi học xong chương trình đào tạo ngành Kinh tế phát triển, sinh viên có khả năng:

- Nắm được kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh hiện đại (PLO1)

- Hiểu và vận dụng được các kiến thức về kinh tế phát triển để giải thích các vấn đề trong phát triển (PLO1 và PLO4).

- Phân tích các tình huống phát triển (định hướng phát triển, các chính sách phát triển, hoạt động phát triển) ở các cấp độ (từ cấp doanh nghiệp đến quốc gia, quốc tế); tổng hợp thành các vấn đề mang tính xu hướng của sự phát triển. (PLO2, PLO4)

- Lựa chọn và sử dụng các mô hình, công cụ phân tích đánh giá và hoạch định phát triển (PLO3).

- Có kỹ năng lập, tổ chức thực hiện chính sách, chiến lược, kế hoạch và chương trình - dự án phát triển (PLO4, PLO5, PLO6, PLO7).

- Sinh viên có thể sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp, nghiên cứu và đọc tài liệu (PLO5).

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 130 tín chỉ

Khối lượng học tập của chương trình đào tạo cử nhân Chương trình Kinh tế phát triển Chất lượng cao phù hợp với yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam, gồm 130 tín chỉ (viết tắt là TC), không bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc

phòng, các lớp tiếng Anh tăng cường do chuyên gia nước ngoài giảng dạy và các lớp kỹ năng mềm được thực hiện bởi các tổ chức chuyên nghiệp. Chi tiết như sau:

Chương trình giảng dạy Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng theo quy định của pháp luật và quy chế của Trường;

Ngoại ngữ, tiếng Anh tăng cường theo Đề án ngoại ngữ dành cho sinh viên chương trình Chất lượng cao nhằm đáp ứng chuẩn ngoại ngữ theo quy định;

Tham quan, thực hành, thực tế tại các tổ chức, doanh nghiệp, công ty, cơ sở sản xuất trong hoặc ngoài nước;

Tham gia các khóa đào tạo chứng chỉ nghề nghiệp thông qua hợp tác với các đơn vị sử dụng lao động, doanh nghiệp để trang bị kiến thức thực tế đối với nghề nghiệp đào tạo.

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH/ APPLICANTS FOR ENROLLMENT

Người học phải đạt chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo, cụ thể người học phải đạt tiêu chuẩn theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đề án tuyển sinh đại học hệ chính quy của Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

Ngoài ra, người học phải vượt qua kỳ thi đầu vào chương trình Chất lượng cao; đáp ứng yêu cầu về trình độ tiếng Anh để theo học chương trình đào tạo chất lượng cao ngành Kinh tế phát triển theo quy định của Trường.

Tự nguyện tham gia vào chương trình Kinh tế phát triển Chất lượng cao.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP/ (STUDY PROCESS AND GRADUATION REQUIREMENTS)

• **Thời gian đào tạo thiết kế** là 4 năm, bao gồm cả học tăng cường tiếng Anh và thời gian thực tập cuối khóa.

• **Điều kiện tốt nghiệp:** Theo quy định hiện hành của trường Đại học Kinh tế quốc dân và quy định riêng biệt trong quy chế đào tạo áp dụng cho các sinh viên theo học chương trình chất lượng cao. Sinh viên phải hoàn thành tất cả các học phần bắt buộc và số học phần tự chọn theo yêu cầu của chương trình đào tạo, tổng lượng kiến thức là 130 tín chỉ và phải hoàn thành các học phần Giáo dục thể chất và đạt chứng chỉ Giáo dục quốc phòng.

Đồng thời, sinh viên phải đạt chuẩn đầu ra Tin học và ngoại ngữ theo quy định của dành cho sinh viên Chương trình chất lượng cao.

6. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ: Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ

Các học phần của chương trình được đánh giá theo thang điểm 10 hoặc thang điểm 4, được ghi cả bằng số và bằng chữ. Thang điểm 10 được quy đổi sang điểm chữ như sau:

a) Loại đạt:

TT	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
1	Từ 9,0 đến 10	A+	4,0
2	Từ 8,5 đến 8,9	A	4,0
3	Từ 8,0 đến 8,4	B+	3,5
4	Từ 7,0 đến 7,9	B	3,0
5	Từ 6,5 đến 6,9	C+	2,5
6	Từ 5,5 đến 6,4	C	2,0
7	Từ 5,0 đến 5,4	D+	1,5
8	Từ 4,5 đến 4,9	D	1,0

b) Loại không đạt:

TT	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
1	Dưới 4,5	F	0,0

7. CẤU TRÚC, NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY/STRUCTURE, CONTENT, AND TEACHING PLAN

7.1. Cấu trúc kiến thức/ Knowledge Structure

Kiến thức	Khối lượng (Tín chỉ)	Ghi chú
1. Kiến thức giáo dục đại cương	53	
1.1. Các học phần chung	23	Khoa học chính trị và Ngoại ngữ
1.2. Các học phần của Trường	12	Trường quy định bắt buộc 4 HP
1.3. Các học phần của ngành	12	Khoa tự chọn 4 HP từ tổ hợp của Trường quy định
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	83	
2.1. Kiến thức cơ sở ngành	12	

2.1.1. Các học phần của Trường	6	Khoa tự xây dựng
2.1.2. Các học phần của ngành	6	Khoa tự xây dựng
2.2. Kiến thức ngành	37	Khoa tự xây dựng
2.2.1. Các học phần bắt buộc	24	Khoa tự xây dựng
2.2.2. Các học phần tự chọn	13	SV tự chọn 13 tín chỉ (5 học phần)
2.3. Kiến thức chuyên sâu	24	SV tự chọn 24 tín chỉ (8 học phần)
2.4. Khóa luận tốt nghiệp	10	
TỔNG SỐ	130	Không kể GDQP&AN và GDTC

7.2. Nội dung chi tiết (detail content of the program)

Kế hoạch học tập chuẩn – Standard course sequence

TT No.	TT tổ hợp	Mã học phần Code	Học phần Courses	Tín chỉ Credits	Ngôn ngữ giảng Teaching languages	Học kỳ Semester								
						1	2	3	4	5	6	7	8	
1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG				53		17	19	14	3	0	0	0	0	0
1.1. Các học phần chung				23		8	10	11	0	0	0	0	0	
1	1	LLNL1105	Triết học Mác Lê Nin <i>Marxist-Leninist philosophy</i>	3	Tiếng Việt	3								
2	2	LLNL1106	Kinh tế chính trị Mác Lê Nin <i>Political economics of marxism and leninism</i>	2	Tiếng Việt		2							
3	3	LLNL1107	Chủ nghĩa xã hội khoa học <i>Scientific socialism</i>	2	Tiếng Việt		2							
4	4	LLSD1102	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam <i>Vietnam Communist Party History</i>	2	Tiếng Việt			2						
5	5	LLTT1101	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh Ideology</i>	2	Tiếng Việt			2						
6	6	TAAEP01 TAAEP02 TAAEP03	Tiếng Anh 1, 2, 3 English 1,2, 3	12	Tiếng Việt	4	8							
		GDTC	Giáo dục thể chất <i>Physical Education</i>	x	Tiếng Việt	X	x	x	x					
		QPCT1101 QPCT1102	Giáo dục quốc phòng / <i>Military Education</i> Công tác quốc phòng an ninh/	x	Tiếng Việt				x					

TT No.	TT tổ hợp	Mã học phần Code	Học phần Courses	Tín chỉ Credits	Ngôn ngữ giảng Teaching languages	Học kỳ Semester								
						1	2	3	4	5	6	7	8	
		QPDL1103	<i>Introduction to the National Defense</i> Quân sự chung/ <i>General Military Education</i>											
		QPDL1104	Đường lối quân sự của Đảng Cộng sản Việt Nam/ <i>Vietnam Communist Party's Direction on the National Defense</i>											
		QPDL1105	Chiến thuật và kỹ thuật bắn súng AK/ <i>Stragegy and Technique of Shooting AK</i>											
1.2. Các học phần bắt buộc của Trường				12		9	3	0	0	0	0	0	0	0
7	1	TOCB1110	Toán cho các nhà kinh tế <i>Mathematics for Economics</i>	3	Tiếng Việt	3								
8	2	LUCS1129	Pháp luật đại cương <i>Fundamentals of Laws</i>	3	Tiếng Việt	3								
9	3	KHMI1101	Kinh tế vi mô 1 <i>Microeconomics 1</i>	3	Tiếng Anh/ Tiếng Việt	3								
10	4	KHMA1101	Kinh tế vĩ mô 1 <i>Macroeconomics 1</i>	3	Tiếng Anh/ Tiếng Việt		3							
1.3. Các học phần của ngành				12		0	6	3	3	0	0	0	0	0
11	1	TKKD1129	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh <i>Statistics for Economic and Business</i>	3	Tiếng Việt			3						
12	2	TOKT1106	Lý thuyết xác suất và thống kê toán <i>Probability and Mathematical Statistics</i>	3	Tiếng Việt		3							
13	3	QLKT1101	Quản lý học <i>Essentials of Management</i>	3	Tiếng Việt		3							

TT No.	TT tổ hợp	Mã học phần Code	Học phần Courses	Tín chỉ Credits	Ngôn ngữ giảng Teaching languages	Học kỳ Semester								
						1	2	3	4	5	6	7	8	
14	4	PTCC1128 E	Phương pháp nghiên cứu kinh tế - xã hội <i>Socio-Economic research Methods</i>	3	Tiếng Anh				3					
2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP				83		0	0	6	15	21	18	17	10	
2.1. Kiến thức cơ sở ngành				12		0	0	6	6	0	0	0	0	
15	1	NHLT 1101	Lý thuyết tài chính tiền tệ <i>Monetary and Financial Theories</i>	3	Tiếng Việt			3						
16	2	TOKT1101	Kinh tế lượng 1 <i>Econometrics 1</i>	3	Tiếng Việt			3						
17	3	PTKT1102E	Kinh tế phát triển 1 <i>Development Economics 1</i>	3	Tiếng Anh				3					
18	4	PTCC1103E	Kinh tế công cộng 1 <i>Public Economics 1</i>	3	Tiếng Anh				3					
2.2. Kiến thức ngành				37		0	0	0	9	12	9	7	0	
2.2.1. Các học phần bắt buộc				24		0	0	0	0	12	9	3	0	
19	1	PTCC1126 (E)	Dự báo kinh tế xã hội 1 <i>Social -Economic Development Forecasting 1</i>	3	Tiếng Anh				3					
20	2	PTCC1105(E)	Chương trình và dự án phát triển <i>Development Programs and Projects</i>	3	Tiếng Anh					3				
21	3	PTKT1119	Kế hoạch hóa phát triển 1 <i>Development Planning 1</i>	3	Tiếng Việt					3				
22	4	PTCC1104E	Chiến lược phát triển <i>Development Strategy</i>	3	Tiếng Anh				3					
23	5	PTKT1121	Quản lý phát triển <i>Development Management</i>	3	Tiếng Việt				3					
24	6	PTCC1122 E_mời	Kinh tế và chính sách phát triển vùng	3	Tiếng Anh					3				

TT No.	TT tổ hợp	Mã học phần Code	Học phần Courses	Tín chỉ Credits	Ngôn ngữ giảng Teaching languages	Học kỳ Semester								
						1	2	3	4	5	6	7	8	
		giảng	<i>Regional Economics and Policies</i>											
25	7	PTKT1120	Phát triển bền vững <i>Sustainable Development</i>	3	Tiếng Việt								3	
26	8	PIKT1127(E)	Kinh tế học thể chế <i>Institutional Economics</i>	3	Tiếng Anh				3					
2.2.2. Các học phần tự chọn của ngành				13				9				4		
27-31	1		Chuyên đề (kinh tế - văn hóa, xã hội, môi trường, thể chế) <i>Thematic: Topics on economic, social culture, environment and institutions</i>	3	Tiếng Anh								3	
	2		Quản trị tiên liệu <i>Anticipatory Governance</i>	3	Tiếng Anh								3	
	3	MKMA1105	Marketing công <i>Public Marketing</i>	3	Tiếng Việt			3						
	4	TMKQ1101E	Kinh tế quốc tế <i>International Economics</i>	3	Tiếng Anh			3						
	5	MIKT1104E	Kinh tế và Quản lý môi trường <i>Environmental Economics and Management</i>	3	Tiếng Anh			3						
2.3. Kiến thức chuyên sâu				24					6	9	9			
32-39	1	PTKT1111E	Kinh tế phát triển 2 <i>Development Economics 2</i>	3	Tiếng Anh				3					
	2	PTCC 1121E	Kinh tế công cộng 2 <i>Public Economics 2</i>	3	Tiếng Anh				3					
	3	PTCC1120E	Dự báo phát triển kinh tế xã hội 2	3	Tiếng Anh							3		

TT No.	TT tổ hợp	Mã học phần Code	Học phần Courses	Tín chỉ Credits	Ngôn ngữ giảng Teaching languages	Học kỳ Semester								
						1	2	3	4	5	6	7	8	
			<i>Social -Economic Development Forecasting 2</i>											
	4	KTPT	Kiến tập <i>Internship</i>	3	Tiếng Việt						3			
	5	PTCC1129E	Theo dõi và đánh giá phát triển <i>Development Monitoring and Evaluation</i>	3	Tiếng Anh								3	
	6	PTKT1118	Định lượng phát triển <i>Quantitative Analysis of Development Issues</i>	3	Tiếng Việt									3
	7	PTKT1117	Chính sách phát triển <i>Development Policy</i>	3	Tiếng Việt									3
	8	PTKT1110	Kinh tế học so sánh <i>Comparative Economics</i>	3	Tiếng Việt						3			
40	2.4.	PTKT1105	<i>Khóa luận tốt nghiệp (Graduation Thesis)</i>	10	Tiếng Việt / Tiếng Anh									10
			Tổng số TC toàn khóa	130		17	19	20	18	18	18	16	10	

Ghi chú: Số học phần giảng bằng tiếng Anh: 16 HP (tương đương 46 TC chiếm 33,8% tổng số tín chỉ)

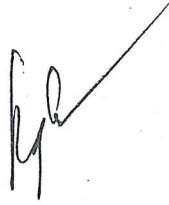
8. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN/INSTRUCTION

- CTĐT được thực hiện trong 04 năm. Mỗi năm có 02 học kỳ chính và 01 học kỳ phụ (học kỳ hè) theo học chế tín chỉ.

- Nội dung cần đạt được của từng học phần, khối lượng kiến thức (Lý thuyết/Thực hành/Tự học) và cách đánh giá học phần được quy định trong Đề cương chi tiết mỗi học phần. Đề cương chi tiết của từng học phần phải gắn với chuẩn đầu ra của chuyên ngành đào tạo

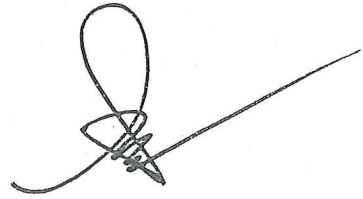
- Điều kiện tốt nghiệp: sinh viên cần tích lũy đủ khối lượng kiến thức của CTĐT, đạt chuẩn đầu ra tin học và ngoại ngữ theo công bố của Chương trình Tiên tiến, Chất lượng cao và POHE, có chứng chỉ GDQP-AN và hoàn thành các học phần GDTC và các quy định khác của trường.

TRƯỜNG KHOA



PGS.TS. Nguyễn Ngọc Sơn

HIỆU TRƯỞNG 



PGS.TS. Phạm Hồng Chương